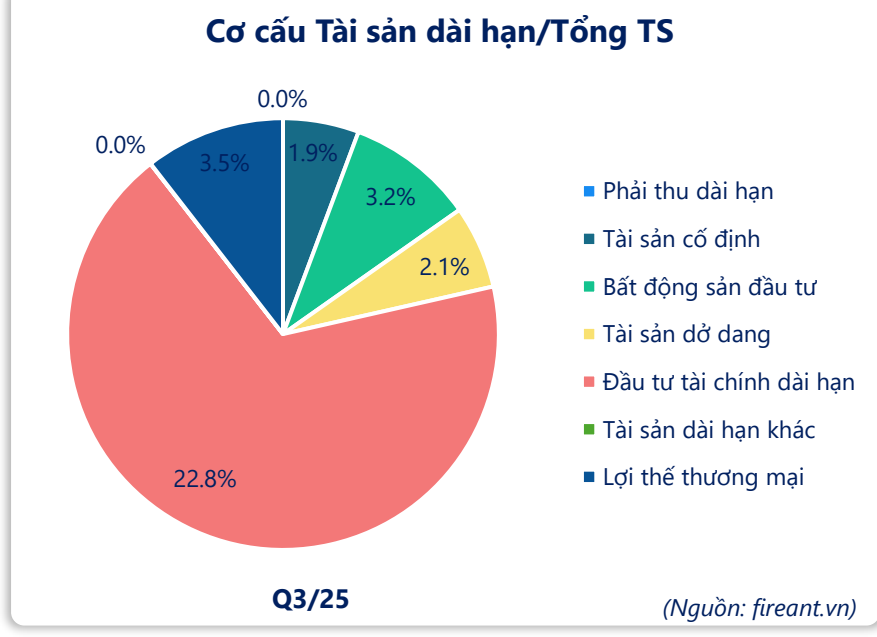
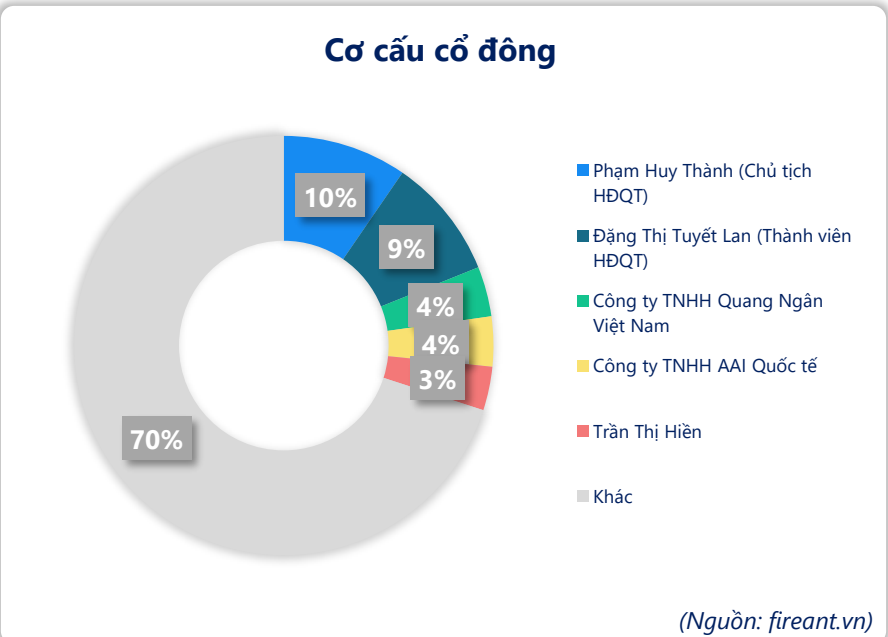
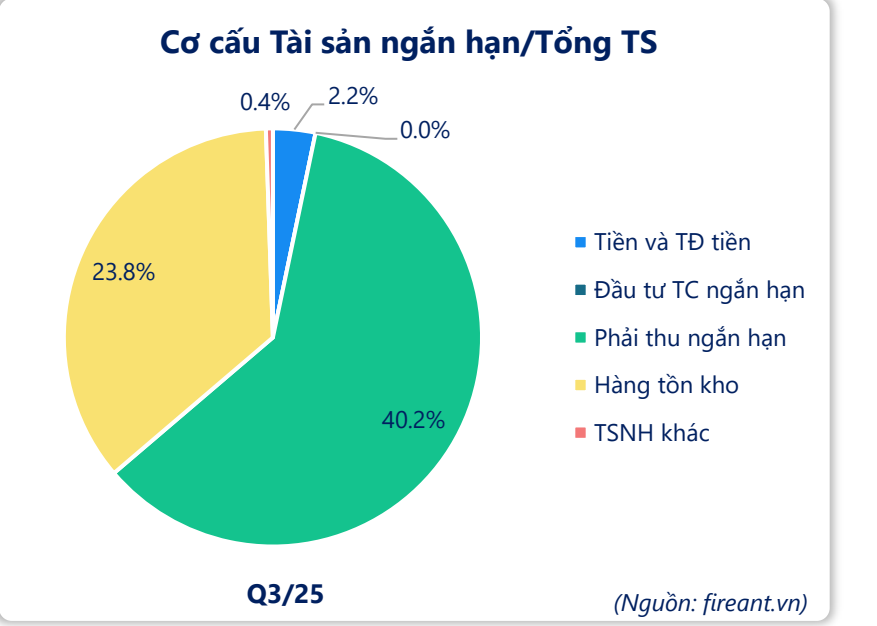
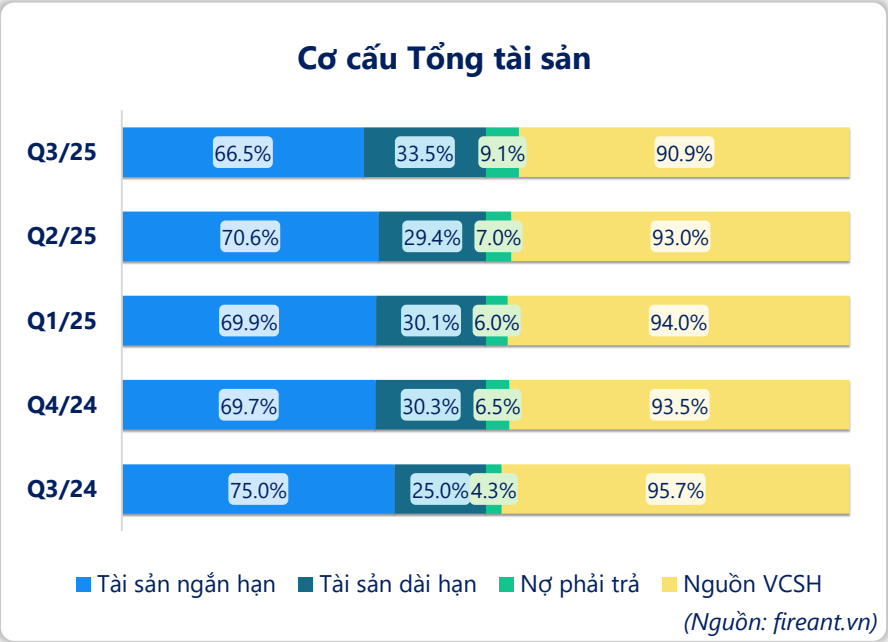
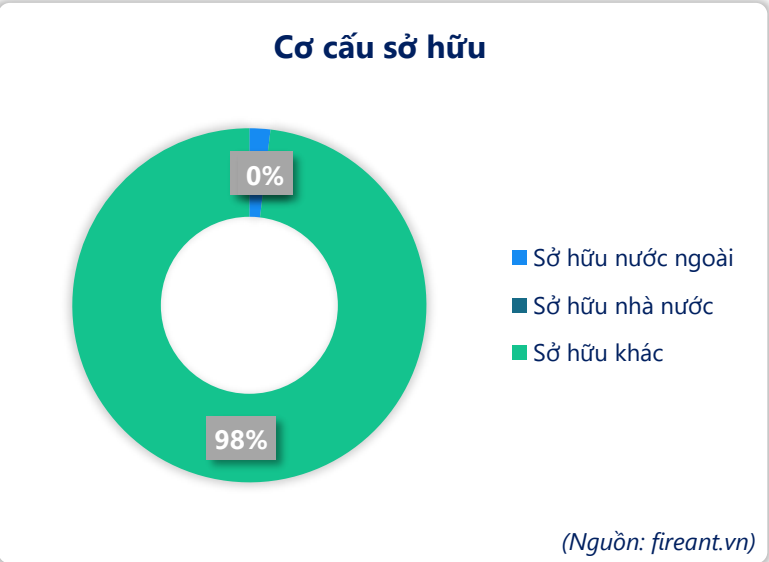
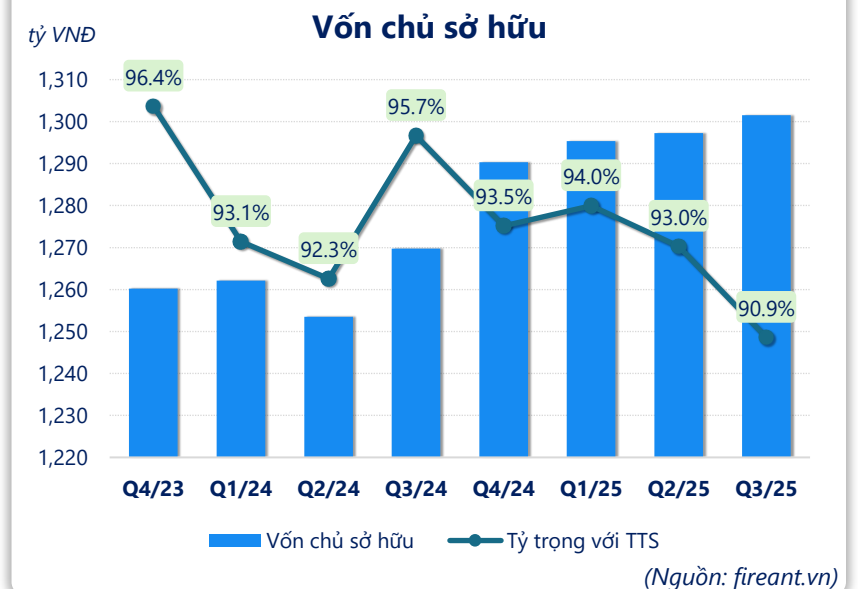
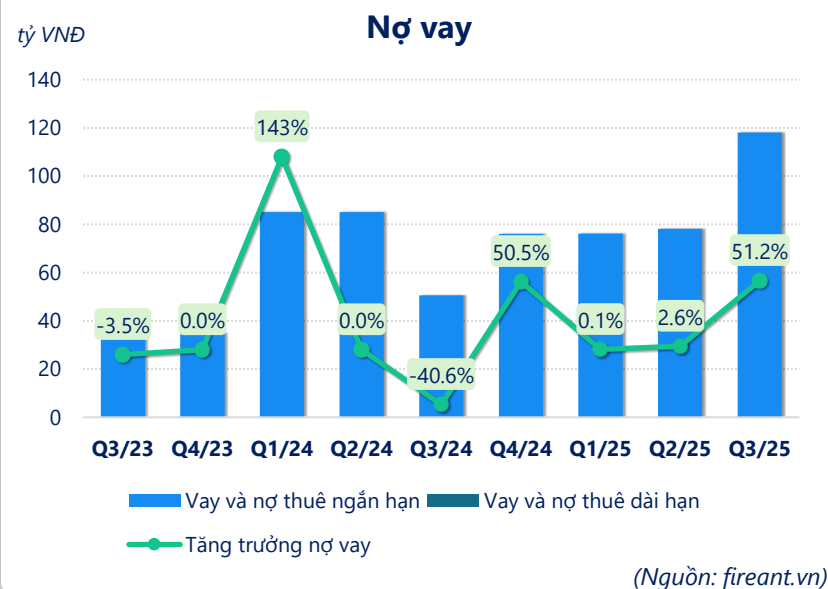
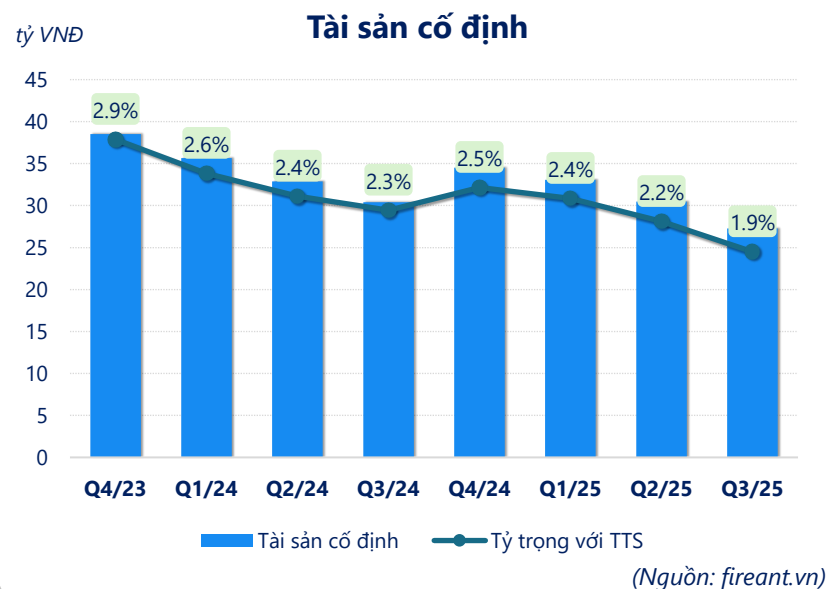
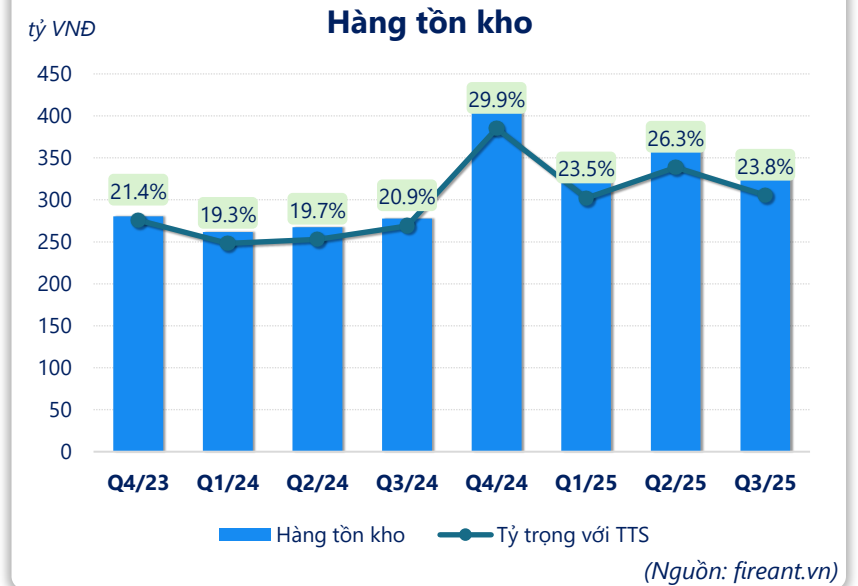
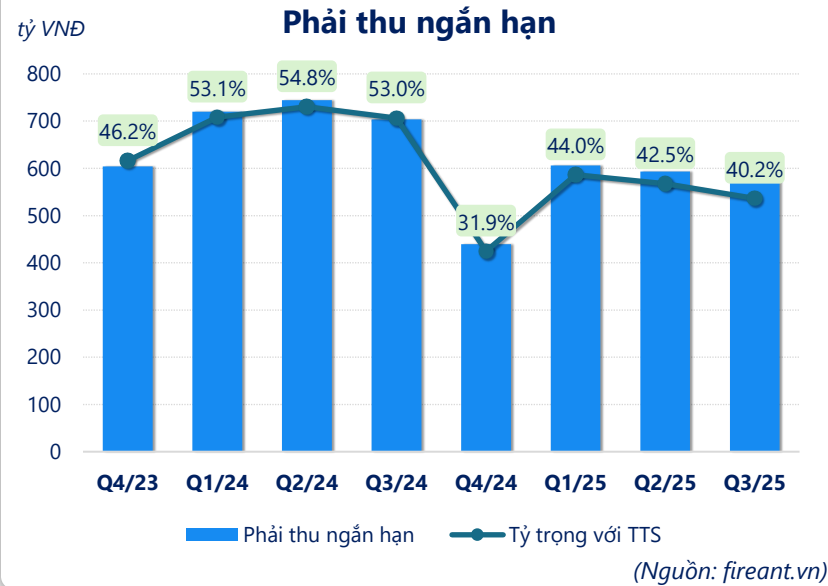
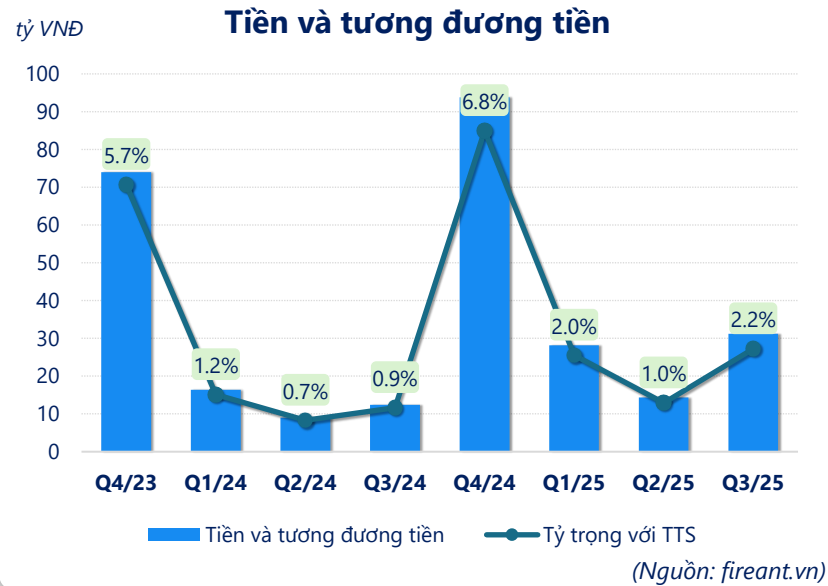
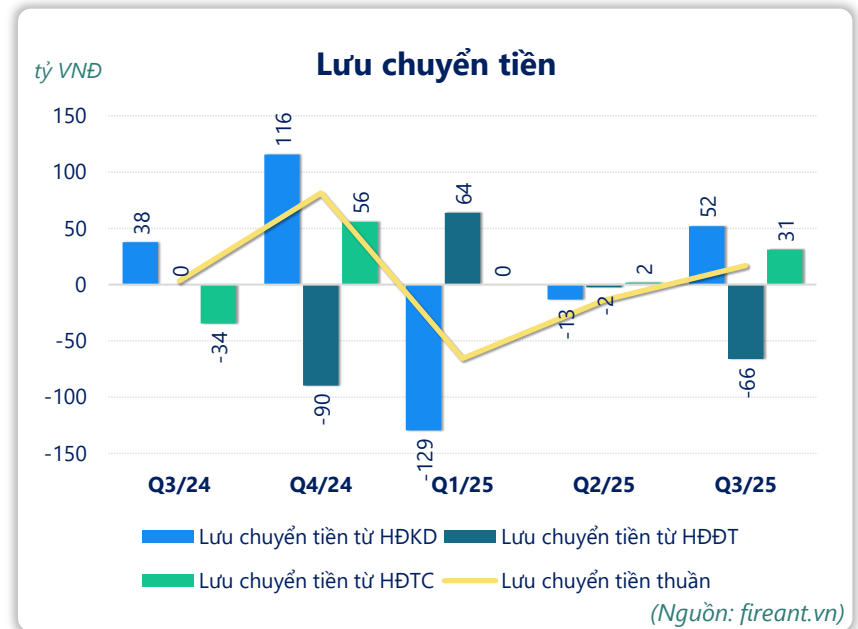
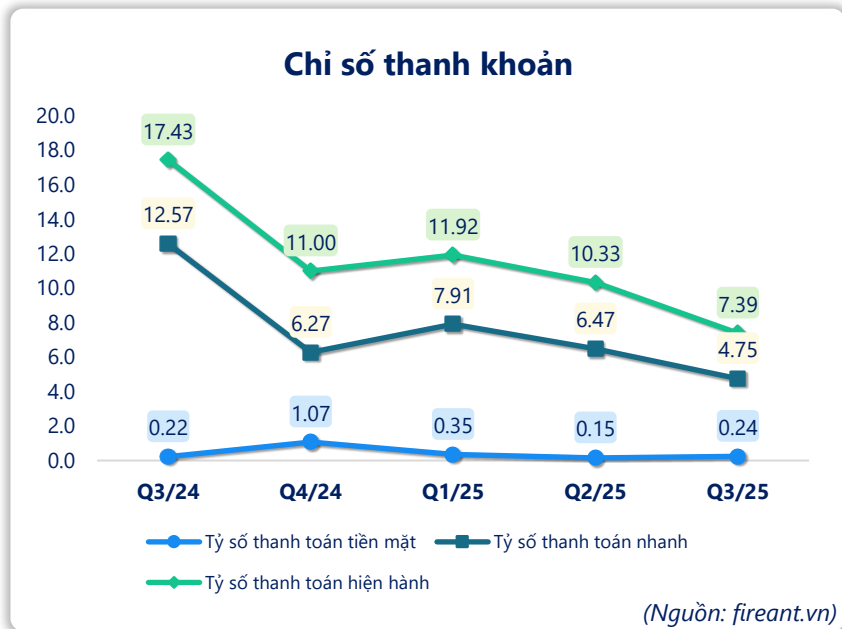
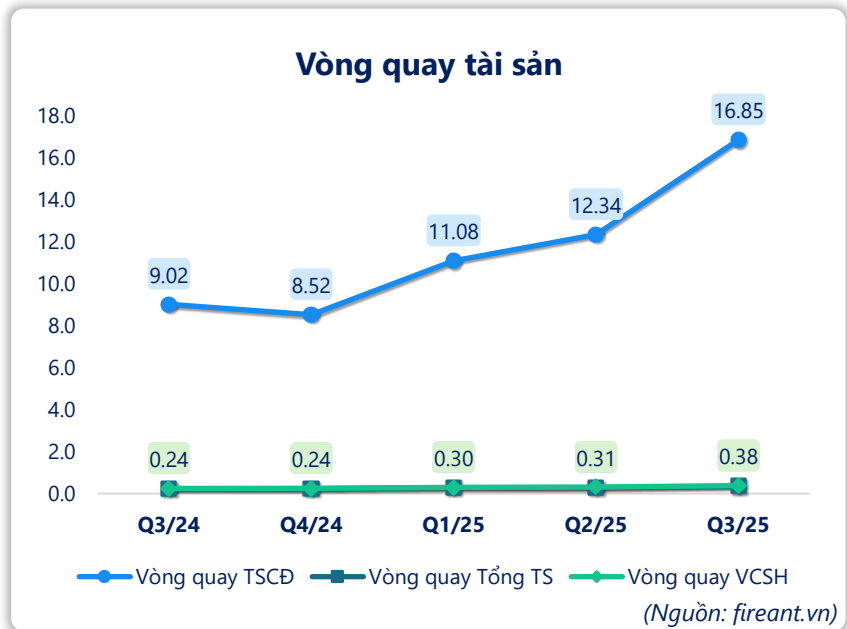
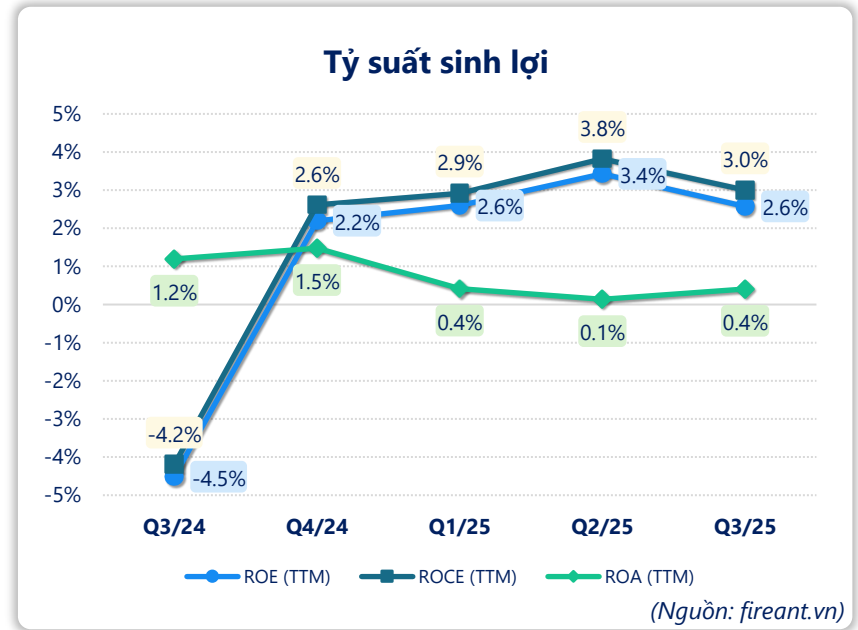
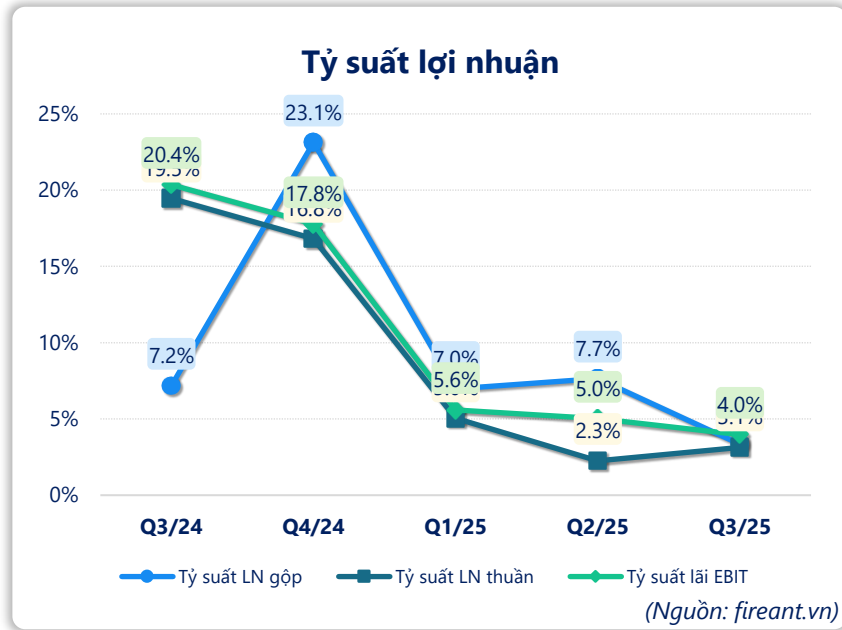
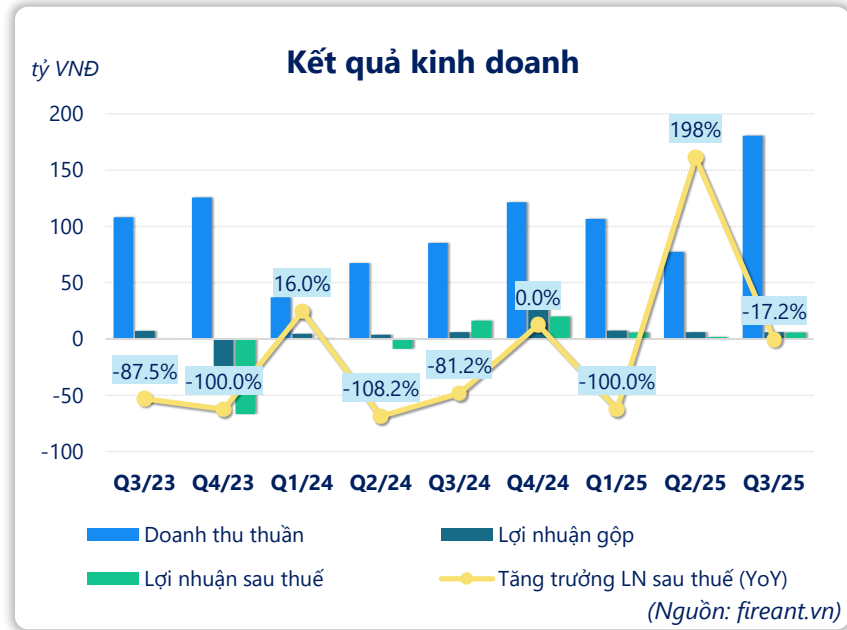


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		3,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		4,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		2,800
SL cổ phiếu LH		120,218,540
KLGD BQ 20 phiên (CP)		292,250
% sở hữu nước ngoài		1.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		433
P/E		13.1
EPS		275

	YTD	1T	3T	6T
MBG	5.9%	-12.2%	12.5%	5.9%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,432	1,379	3.9%
Tài sản ngắn hạn	953	962	-0.9%
Tiền và tương đương tiền	31.2	93.8	-66.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	1.10	-100%
Phải thu ngắn hạn	576	439	31.2%
Hàng tồn kho	340	413	-17.6%
Tài sản ngắn hạn khác	5.14	14.0	-63.4%
Tài sản dài hạn	479	418	14.8%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	27.3	34.5	-20.9%
Bất động sản đầu tư	45.8	46.8	-2.1%
Tài sản dở dang	29.8	29.4	1.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	326	252	29.2%
Tài sản dài hạn khác	0.09	0.10	-5.0%
Lợi thế thương mại	50.4	54.5	-7.5%
Nợ phải trả	131	89.5	46.3%
Nợ ngắn hạn	129	87.5	47.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	118	76.0	55.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	7.30	7.73	-5.5%
Nợ dài hạn	1.90	1.97	-3.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,302	1,290	0.9%
Vốn chủ sở hữu	1,302	1,290	0.9%
Vốn điều lệ	1,202	1,202	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	85.3	121	107	77.4	181
Giá vốn hàng bán	79.2	93.3	99.2	71.5	175
Lợi nhuận gộp	6.13	28.1	7.44	5.92	6.04
Doanh thu HĐTC	0.04	0.18	0.24	0.10	0.81
Chi phí TC	0.96	0.98	1.00	1.26	1.38
Chi phí lãi vay	0.96	0.98	0.35	1.90	1.38
LN trong công ty LKLD	-0.70	2.08	0.11	-0.42	2.06
Chi phí bán hàng	0.00	0	0	0	0.00
Chi phí QLDN	-12.1	8.93	1.41	2.60	1.86
LN thuần từ HĐKD	16.6	20.4	5.38	1.75	5.67
Lợi nhuận khác	-0.19	0.18	0.23	0.24	0.11
LN trước thuế	16.4	20.6	5.61	1.98	5.78
Lợi nhuận sau thuế	16.3	19.9	5.67	1.91	5.67
LNST của CĐ cty mẹ	16.3	19.9	5.68	1.90	5.66

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	37.6	116	-129	-13.3	52.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.23	-89.7	63.7	-2.39	-66.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-34.5	55.6	0.11	1.98	31.0
Tiền đầu kỳ	9.04	12.4	93.8	28.1	14.4
Lưu chuyển tiền thuần	3.34	81.4	-65.6	-13.8	16.8
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	12.4	93.8	28.1	14.4	31.2

(Nguồn: fireant.vn)